TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS - ST
Ngày 02 tháng 3 năm 2021
"V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông
2. Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 84/2020/TLST - DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1934; Địa chỉ: Khu 2, thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn K, chị Nguyễn Thị H sinh năm 1987; Cùng địa chỉ: Khu 2, thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Chị H có mặt, anh K vắng mặt).

- Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu 2, thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Con trai ông T - Theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2020 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năm 2020 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn

Văn Q trình bày: Bố anh là ông Nguyễn Văn T có cho vợ chồng anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị H vay tổng số tiền là 85 triệu đồng, cụ thể: lần một cho vay số tiền 50 triệu đồng (không nhớ ngày tháng), lần hai cho vay thêm 10 triệu đồng vào ngày 17/11/2016, lần thứ ba cho vay 10 triệu đồng, lần thứ tư cho vay 5 triệu đồng, lần thứ năm cho vay 10 triệu đồng. Tổng cộng là 85 triệu đồng gốc. Mỗi lần cho vay bố anh đều yêu cầu vợ chồng anh K chị H viết số tiền nợ và ký vào sổ của bố anh. Vì là cùng làng xóm với nhau nên khi vay bố anh và anh chị H anh K không thỏa thuận gì về lãi suất và thời hạn trả nợ, bố anh đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng anh chị K H đều khất nợ.

Quá trình vay nợ từ năm 2016 cho đến nay anh K, chị H đã trả cho bố anh được một phần tiền lãi, cụ thể bao nhiêu thì anh không rõ. Về số nợ gốc vợ chồng anh K chị H đã trả được 5 triệu đồng. Do vậy hiện nay số nợ còn lại là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), bố anh yêu cầu vợ chồng anh K và chị H phải trả nợ vì lý do cả hai vợ chồng anh K, chị H ký giấy vay tiền nên anh K và chị H phải có trách nhiệm trả nợ chung. Bố anh không yêu cầu tính lãi suất.

- Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn K vắng mặt, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2021 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H trình bày: Vào khoảng thời gian năm 2016 chị có vay của ông Nguyễn Văn T tổng số tiền 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng) để làm ăn, vay thành nhiều lần, mỗi lần vay một mình chị đều ký vào sổ vay tiền của ông T nhưng chồng chị là anh Lê Văn K đều biết, khi vay hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất và thời hạn trả nợ trong giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau về lãi là 2%/tháng, mỗi tháng chị đã trả đủ cho ông T 1.700.000 đồng tiền lãi từ năm 2016 cho đến năm 2018 chị làm ăn khó khăn bị vỡ nợ nên không có tiền trả nợ lãi cho ông T, quá trình vay nợ, chị đã trả nợ được cho ông T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) vào số nợ gốc, chị trả thành nhiều lần nên chị không nhớ ngày tháng, mỗi lần chị trả tiền ông T tự theo dõi sổ không viết giấy tờ gì cho chị nên chị không có giấy tờ theo dõi. Khi chị bị phá sản không có khả năng trả nợ thì vợ chồng chị có đến nhà ông T để khất nợ, ông T có yêu cầu vợ chồng chị cùng ký vào giấy vay tiền do chị tự viết nhiều lần với nhiều màu mực khác nhau nên vợ chồng chị có ký vào giấy vay tiền. Khi đến khất nợ ông T có nói là cho vợ chồng chị tiền lãi còn gốc thì chị xin được trả nợ dần, tuy nhiên từ đó đến nay chị không có khả năng trả nợ cho ông T. Nay ông T có đơn khởi kiện vợ chồng chị, quan điểm chị xin

được trả nợ dần số nợ gốc, mỗi tháng chị trả ông T từ 500.000đ đến 1000.000 đồng, chị H không yêu cầu gì về số tiền lãi đã trả cho ông T.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biển quan điểm về việc tuân theo các quy định tố tụng của Thẩm phán về quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 166, 288, 351; 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị H phải trả nợ cho ông Nguyễn Văn T số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) nợ gốc. Trường hợp anh K và chị H chậm thực hiện nghĩa vụ thì anh K và chị H phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

Về án phí: Anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí giá ngạch tài sản là 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị H phải trả nợ cho ông số tiền 80.000.000đ gốc đã vay của ông, tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án vợ chồng anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị H đều có hộ khẩu thường trú tại xã Lũng Hòa, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền.

Đối với anh Lê Văn K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn K là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị H có thỏa thuận vay tiền của ông Nguyễn Văn T số tiền 85 triệu đồng để làm ăn, khi vay tiền hai bên có viết giấy vay tiền có chữ ký của chị H và anh K, trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất và thời hạn trả nợ. Do vậy quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp Hợp đồng là 03 năm kể từ khi quyền và lợi ích bị xâm phạm, việc chị H anh K vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ năm 2018 cho đến năm 2020 ông T có đơn khởi kiện yêu cầu anh K và chị H trả nợ nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4]. Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Ông Nguyễn Văn T cho chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn K vay số tiền 85.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 17/11/2016, quá trình cho vay chị H và anh K có ký vào giấy vay tiền, chị H cũng thừa nhận anh K là chồng chị có biết việc vay tiền và có ký vào giấy vay tiền sau khi hai vợ chồng đến khất nợ ông T, anh chị đã trả được tiền lãi cho ông T từ năm 2016 đến năm 2018 và trả được 5.000.000 đồng gốc. Như vậy đến nay ông T yêu cầu anh chị K H trả nợ cho ông số tiền còn nợ gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), ông không yêu cầu tính tiền lãi suất. Xét thấy việc ông T khởi kiện yêu cầu chị H và anh K trả nợ 85 triệu đồng gốc, tuy nhiên tại phiên tòa ông T xin thay đổi nội dung khởi kiện là yêu cầu anh K và chị H trả nợ 80 triệu đồng gốc, ông không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ nên cần được chấp nhận Việc chị H xin được trả nợ dần, mỗi tháng trả từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy cần buộc chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn K trả nợ cho ông Nguyễn Văn T số tiền 80.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 17/11/2016 là phù hợp với quy định pháp luật. Đối với việc chị H trình bày khi vay tiền của ông T thì hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng và chị H đã trả cho ông T tiền lãi từ năm 2016 cho đến năm 2018 (mỗi tháng trả 1.700.000 đồng) nhưng chị không nhớ đã trả được tổng bao nhiêu tiền lãi. Tuy nhiên chị H không thắc mắc gì về số tiền lãi đã trả cho ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 288, 351, 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn K phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H và anh K chậm trả tiền cho ông T thì chị H và anh K còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn K phải chịu 4.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải